

Thành tựu, hạn chế và những vấn đề đặt ra của hội nhập quốc tế trong lĩnh vực nông nghiệp

Đ. - 3. 1
Đ. 6. 35. 53

NGUYỄN XUÂN CƯỜNG*

Sau gần 30 năm thực hiện đường lối đổi mới, hội nhập quốc tế, nền nông nghiệp tiến những bước vượt bậc, góp phần tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Hội nhập quốc tế, nhất là từ sau khi gia nhập WTO và ký kết hàng loạt các hiệp định thương mại tự do song phương và khu vực đã mang lại những thay đổi tích cực trong cả xây dựng thể chế nông nghiệp, cách thức tổ chức sản xuất của các tổ chức, cá nhân; chuyển từ nền nông nghiệp sản xuất kế hoạch hóa tập trung, bao cấp sang nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa.

Từ một nước nông nghiệp lạc hậu với trên 90% lao động làm nông nghiệp, phải nhập khẩu lương thực, trở thành một nước xuất khẩu lương thực và một số mặt hàng nông sản hàng hóa khác đứng trong top đầu thế giới; năng suất, sản lượng sản phẩm nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản tăng nhanh, an ninh lương thực quốc gia được bảo đảm, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tuy vậy, hội nhập quốc tế cũng đem lại không ít những khó khăn, thách thức cho nền nông nghiệp Việt Nam do khả năng cạnh tranh thấp, chất lượng sản phẩm

chưa cao, chưa đồng đều; các nước nhập khẩu bảo hộ sản xuất trong nước bằng hàng rào kỹ thuật, thuế quan... Đó là hai mặt trong bước phát triển của nền nông nghiệp nước nhà.

Thành tựu đạt được

Từ sau năm 1986, thực hiện đường lối đổi mới, mở cửa hội nhập của Đảng, Việt Nam đã chủ động mở rộng hợp tác quốc tế với các nước trong khu vực và thế giới; ký kết trên 150 các thỏa thuận, hiệp định hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nông nghiệp với các nước, các vùng lãnh thổ, các tổ chức quốc tế và khu vực (ASEAN, APEC,

ASEM, WTO). Sau khi ra nhập WTO, triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa X về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới, Ban Cán sự Đảng Chính phủ cụ thể hóa bằng 12 nhiệm vụ và 75 nội dung công việc cần triển khai thực hiện, thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa dần được hoàn thiện. Nền kinh tế nói chung và ngành nông nghiệp nói riêng của nước ta

* Ủy viên Trung ương Đảng, Phó trưởng Ban Kinh tế Trung ương



hội nhập sâu và toàn diện hơn vào nền kinh tế thế giới, tận dụng được những cơ hội, vượt qua thách thức, nền kinh tế nước ta đã đạt được những kết quả quan trọng, đáng khích lệ, đưa nước ta thoát khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Thị trường xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam mở rộng và tăng khá nhanh. Nếu năm 2008 các mặt hàng nông sản mới có mặt tại 107 thị trường trên toàn cầu tới năm 2010 là 117 thị trường, thì hết năm 2013 đã tăng tới 129 thị trường. Năm 2013, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông sản, thủy sản⁽¹⁾ đạt 19,8 tỷ USD, chiếm 15% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước.

Một số mặt hàng nông sản của Việt Nam hiện nay đang chiếm giữ vị thế cao trên thị trường quốc tế, như hạt điều, hạt tiêu (đứng thứ nhất); gạo, cà-phê (đứng thứ hai); chè (đứng thứ sáu), v.v..

Sản lượng, giá trị xuất khẩu hàng hóa nông sản tăng nhanh. Nếu năm 2001 chỉ có thủy sản đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD thì năm 2013 có 7 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD với tổng kim ngạch xuất khẩu là 18,7



Thu hoạch ngô bằng máy gặt liên hợp của doanh nghiệp Hoàng Anh Gia Lai

tỷ USD, chiếm 94,6% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nhóm hàng nông sản, thủy sản (thủy sản 6,72 tỷ USD, gạo 2,93 tỷ USD, cà-phê 2,72 tỷ USD, cao-su 2,49 tỷ USD, hạt điều 1,65 tỷ USD, sản và các sản phẩm từ sản đạt 1,10 tỷ USD). Xuất khẩu gạo: năm 1989 xuất khẩu 1,46 triệu tấn, tăng lên 2,05 triệu tấn vào năm 1995, năm 2005 xuất khẩu 5,2 triệu tấn, năm 2011 xuất khẩu 7,1 triệu tấn, vượt qua Thái Lan về xuất khẩu gạo.

Nông nghiệp giữ được đà tăng trưởng liên tục qua các giai đoạn phát triển kinh tế-xã hội. Từ sau năm 1986, sản xuất nông hồi phục và phát triển toàn diện, tăng trưởng với tốc độ cao. Tăng trưởng ngành nông nghiệp giai đoạn 1996 - 2000 đạt 4,01%, giai đoạn 2001 - 2005 là 3,83%, giai đoạn 2006 - 2010 đạt 3,03%, giai đoạn 2009 - 2013 đạt 2,9%. Sự phát triển của

(1) Nguồn: Tổng cục Hải quan, 2013



Ảnh TL

ngành nông nghiệp, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, đời sống nông dân được cải thiện, bảo vệ khá tốt môi trường, góp phần ổn định trường kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Trong giai đoạn 2009-2013, nền nông nghiệp tiếp tục phát triển theo hướng đẩy mạnh sản xuất hàng hóa với năng suất và chất lượng ngày càng cao. GDP nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản tăng bình quân 2,9%/năm, trong đó nông nghiệp tăng 2,5%,

lâm nghiệp tăng 5% và thủy sản tăng 4%; tổng kim ngạch xuất khẩu ngành nông nghiệp năm 2013 đạt 27,5 tỷ USD, tăng bình quân 15,2%/năm. Ngành trồng trọt từng bước chuyển đổi cơ cấu theo hướng gắn sản xuất với thị trường, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm. Năm 2013, sản lượng lúa⁽²⁾ đạt khoảng 44,1 triệu tấn; sản lượng cao-su đạt 934,5 nghìn tấn, cà-phê đạt 1.322,1 nghìn tấn, sản lượng chè đạt 934,9 nghìn tấn; hồ tiêu 123,4 nghìn tấn;

chăn nuôi, sản lượng thịt hơi các loại đạt 4,3 triệu tấn, sữa đạt 420 triệu lít, sản lượng trứng đạt 7.700 triệu quả. Độ rừng che phủ tăng từ 38,7% năm 2008, lên 41% vào năm 2013; sản lượng thủy sản đạt hơn 5,9 triệu tấn, trong đó sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 3,2 triệu tấn (tăng 28% so với năm 2008).

Cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn đã từng bước chuyển dịch theo hướng tích cực. Tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp trong GDP giảm từ 38,1% (năm 1986) xuống còn 27,2% (năm 1995) và 25% (năm 2000), 21,8% (năm 2003) và năm 2013 là 18,38%. Tỷ trọng lao động nông, lâm, ngư nghiệp trong tổng số lao động xã hội đã giảm từ 73% (năm 1990), xuống còn 71,25% (năm 1995), năm 2000 là 68,24%, năm 2005 là 57,1%, và còn 46,7% năm 2013. Cơ cấu công nghiệp và dịch vụ nông thôn chiếm 61% cơ cấu kinh tế nông thôn, tăng 2% so với năm 2008⁽³⁾. Giá trị sản xuất công nghiệp nông thôn đạt 861.547 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng đạt trung bình 11,15%/năm. Nhiều cụm công nghiệp chế biến ở nông thôn như các cụm

(2) Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2013

(3) Nguồn: Tổng cục Thống kê



nhà máy chế biến lương thực, rau quả, cá tra, tôm, chè, cà-phê, điều, mía đường, sữa..., góp phần thúc đẩy hình thành các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung, tạo việc làm và thu nhập cho dân cư nông thôn. Trong 5 năm (2008 - 2013), có 64 KCN được thành lập và mở rộng và 15 khu kinh tế ven biển. Cả nước có 4.575 làng nghề và làng có nghề, thu hút khoảng 12 triệu lao động chuyên nghiệp, tạo việc làm cho hàng triệu lao động, kim ngạch xuất khẩu ở các làng nghề đạt hơn 1 tỷ USD/năm; nhiều mặt hàng có sự tăng trưởng khá, như gốm sứ tăng 8,1%, gỗ tăng 17,7%.

Đời sống vật chất và tinh thần của đại bộ phận cư dân nông thôn được cải thiện, an sinh xã hội được bảo đảm, đối tượng người nghèo được quan tâm hỗ trợ, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh. Thu nhập bình quân của người dân nông thôn liên tục tăng, năm 2013 ước đạt khoảng 19,97 triệu đồng/người/năm, tăng 10,77 triệu so với năm 2008, trong đó thu nhập từ sản xuất nông lâm, ngư nghiệp chiếm khoảng 31,7% (giảm 7,7% so với năm 2008). Năm 2013, tỷ lệ hộ nghèo nông thôn cả nước còn khoảng 12,4%, giảm bình quân 2%/năm; tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn 62 huyện nghèo

(theo Nghị quyết 30a) đã giảm từ 58,33% (năm 2010) xuống còn 43,89% (năm 2012), bình quân giảm trên 7%/năm. Cả nước hỗ trợ xây dựng nhà ở cho 530.294 hộ nghèo, đạt 99,9% so với số hộ thực tế cần hỗ trợ. Trong hơn 4 năm (từ năm 2009 đến tháng 6-2013), giải quyết việc làm cho 6.901.237 người, bình quân mỗi năm tạo được hơn 1,45 triệu việc làm mới; xuất khẩu lao động được 366.737 người trong đó có khoảng 10.000 lao động từ các huyện nghèo.

Nhược điểm, hạn chế và những vấn đề đặt ra trong quá trình hội nhập quốc tế

Sản xuất nông nghiệp vẫn còn mang tính chất nhỏ lẻ, phân tán. Sản xuất nông nghiệp chuyển biến theo hướng hiện đại còn chậm, chất lượng, giá trị thương mại và khả năng cạnh tranh của nhiều loại nông sản, thủy sản còn thấp, an toàn thực phẩm vẫn là vấn đề bức xúc. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn chậm thay đổi; sản xuất nông, lâm, thủy sản dễ bị tác động tiêu cực trước diễn biến bất thường của thị trường và thiên tai, dịch bệnh.

Nhiều ngành có giá thành sản xuất nguyên liệu cao, chất lượng thấp. Xuất khẩu gạo hiện nay giống lúa chất lượng thấp vẫn chiếm tỷ lệ lớn, chất

lượng gạo thấp; năng suất đường của mía nguyên liệu thấp hơn các nước trong khu vực, giá thành sản xuất cao;... Tồn thất sau thu hoạch cả về số lượng và chất lượng đang rất lớn: rau quả, đánh bắt hải sản là 25%; lúa, gạo là 11% - 13%; mía, đường là 20%..., làm tăng giá thành sản xuất nguyên liệu và sản phẩm, giảm chất lượng và giá bán sản phẩm.

Phần lớn các sản phẩm nông, lâm, thủy sản của nước ta hiện nay chưa có thương hiệu; mẫu mã, bao bì đơn điệu, chất lượng sản phẩm chưa cao và thiếu ổn định, luôn tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn thực phẩm. Vì vậy, nhiều sản phẩm của nước ta đứng nhất, nhì thế giới về số lượng xuất khẩu, nhưng giá trị gia tăng trong các sản phẩm xuất khẩu giảm dần, chiếm tỷ trọng thấp trong chuỗi sản phẩm, như cà-phê nhân, sản lượng chiếm trên 20% sản lượng thế giới, nhưng chỉ chiếm khoảng 3% về giá trị giao dịch; chè đứng thứ 5 về sản lượng, nhưng xếp thứ 10 về giá bán; gạo Việt Nam giá bán luôn thấp hơn so với gạo cùng loại của Thái Lan.

- Nông nghiệp nước ta phát triển kém bền vững, chủ yếu phát triển theo chiều rộng dựa trên tăng đầu tư vốn, khai thác tài nguyên thiên

nhiên và lao động; cơ cấu kinh tế nông nghiệp và chất lượng tăng trưởng chưa có chuyển biến tích cực; sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp còn yếu ngay cả so với các nước trong khu vực, hàm lượng khoa học - công nghệ trong sản phẩm thấp.

Nguồn lực đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu phát huy thế mạnh của nông nghiệp nông thôn Việt Nam; chính sách hỗ trợ phát triển cơ giới hóa, chế biến, bảo quản sản phẩm, lưu thông, xuất khẩu nông sản hàng hóa còn hạn chế; liên kết trong sản xuất nông nghiệp còn bộc lộ nhiều yếu kém, hợp tác xã chậm phát triển, liên kết giữa nông dân, doanh nghiệp lỏng lẻo, tích tụ, tập trung đất đai chuyển dịch lao động diễn ra chậm; môi trường nông thôn bị ô nhiễm có dấu hiệu gia tăng.

Đất đai sản xuất nông nghiệp manh mún phân tán gây trở ngại cho quá trình sản xuất đặc biệt là chuyên môn hóa và hiện đại hóa. Môi liên kết trong sản xuất nông nghiệp chưa chặt chẽ, chưa có khung pháp lý chặt chẽ cho sự liên kết này, hiệu quả còn thấp; vai trò của kinh tế hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp chưa đáp ứng được nhu cầu hợp tác sản xuất của các hộ nông dân.

- Hội nhập quốc tế, mở cửa thị trường nhập khẩu hàng hóa nông sản, khiến cho hàng hóa nông sản trong nước chịu sự cạnh tranh gay gắt, khốc liệt hơn với hàng nhập khẩu, nhất là một số sản phẩm chăn nuôi, thức ăn chăn nuôi, mía đường... nên sản xuất trong nước càng gặp nhiều khó khăn. Đồng thời, hàng hóa xuất khẩu phải đối mặt với hàng rào phi thuế quan, hàng rào kỹ thuật, bảo hộ sản xuất của các nước nhập khẩu. Số lượng các vụ kiện chống phá giá, chống trợ cấp đối với hàng hóa nông sản gia tăng trong những năm gần đây. Từ năm 1994 đến nay, đã có 47 vụ kiện chống bán phá giá và 5 vụ kiện chống trợ cấp đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

- Hệ thống luật pháp, cơ chế chính sách chưa đồng bộ, thiếu nhất quán nhất là hệ thống chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản và hàng rào kỹ thuật hỗ trợ sản xuất trong nước; trình độ quản lý của cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ nông dân còn nhiều hạn chế so với yêu cầu hội nhập quốc tế.

Khoa học và công nghệ chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp. Cơ chế quản lý khoa học và công nghệ; chưa có chính sách và

biện pháp tốt để huy động các nguồn lực, nguồn lực nhà nước đầu tư cho khoa học và công nghệ; thiếu cơ chế gắn kết nghiên cứu khoa học và công nghệ với đào tạo nhân lực; chương trình đào tạo nghề cho nông dân còn nhiều hạn chế, chưa phát huy tác dụng tích cực đối với phát triển kinh tế - xã hội nông thôn.

Thị trường khoa học và công nghệ chậm được hình thành, hiệu quả ứng dụng các công trình nghiên cứu khoa học thấp; thiếu chính sách và biện pháp thúc đẩy các doanh nghiệp quan tâm đầu tư nghiên cứu và đổi mới công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh. Trình độ công nghệ trong nhiều ngành còn lạc hậu; việc chuyển giao công nghệ còn rất chậm. Cơ sở vật chất - kỹ thuật của các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ còn thiếu, lạc hậu, chưa đồng bộ và sử dụng kém hiệu quả.

Những nhiệm vụ cơ bản trong giai đoạn tới

Để tiếp tục hội nhập quốc tế hiệu quả, Nghị quyết Đại hội XI của Đảng chỉ rõ: “Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế”, “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác



và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế;...", nhằm khai thác nguồn lực bên ngoài góp phần phát triển nông nghiệp bền vững, cần giải quyết tốt một số nhiệm vụ sau:

Một là, tiếp tục quán triệt sâu sắc các quan điểm, chủ trương của Đảng về hội nhập quốc tế. Đây là công việc của toàn dân, mọi cơ chế, chính sách phải nhằm phát huy tính chủ động, tích cực, khả năng sáng tạo và phát huy mọi nguồn lực của mọi tổ chức, cá nhân và toàn xã hội.

Xây dựng mạng lưới thông tin thông suốt từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ, thị trường xuất khẩu về nông, lâm, thủy sản; tổ chức các sự kiện xúc tiến thương mại, diễn đàn thu hút đầu tư vào nông nghiệp nông thôn nâng cao nhận thức của các cá nhân, tổ chức về các thị trường xuất khẩu, các cam kết, hiệp định thương mại đã ký kết giữa Việt Nam và các nước, các tổ chức quốc tế.

Hai là, thực hiện nhất quán nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng gắn với phát triển bền vững. Tổ chức lại sản xuất, tăng cường liên kết trong sản xuất nông nghiệp gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ

sản phẩm, cắt giảm tối đa các khâu trung gian, khắc phục có hiệu quả tình trạng ép giá nông sản, bảo đảm lợi nhuận cho người sản xuất. Khuyến khích phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã kiểu mới trong nông nghiệp, nông thôn, làm trung tâm liên kết, tạo ra vùng sản xuất hàng hóa lớn, gắn với chế biến và thị trường, nâng cao giá trị gia tăng hàng hóa nông sản.

Ba là, tiếp tục đẩy mạnh việc cải cách thể chế, cơ chế, chính sách theo hướng xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, phát triển bền vững. Xây dựng chính sách sản xuất hàng hóa nông sản tập trung quy mô lớn phục vụ xuất khẩu; thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ trong sản xuất, nâng cao trình độ canh tác, năng lực chế biến, mở rộng thị trường. Quy hoạch phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực của quốc gia, những sản phẩm có tiềm năng như gạo, cà-phê, cao-su, thủy sản, thịt lợn, sữa, lâm sản..., trên cơ sở đó xây dựng chương trình, kế hoạch đầu tư về khoa học và công nghệ (chú trọng ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ cao) trong chọn, tạo giống, tổ chức sản xuất, xuất khẩu. Gắn phát triển nông nghiệp với bảo vệ môi

trường sinh thái, bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng ngập mặn ven biển.

Bốn là, mở rộng hoạt động đối ngoại, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, thúc đẩy hợp tác trên các lĩnh vực kinh tế nông nghiệp. Chủ động tham gia đàm phán và thực hiện các thỏa thuận hợp tác, các điều khoản cam kết hợp tác về khoa học kỹ thuật, thương mại, đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp. Vận động, tranh thủ nguồn vốn ODA, FDI đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và các nguồn tài trợ cho chương trình ứng phó biến đổi khí hậu, xóa đói, giảm nghèo từ các tổ chức quốc tế

Với kinh nghiệm và thành quả sau gần 30 năm hội nhập quốc tế, và những cơ hội mới khi tham gia TPP, ký kết hiệp định thương mại tự do với Liên minh châu Âu, các hợp tác tự do thương mại khác và việc hình thành cộng đồng kinh tế ASEAN vào năm 2015, ngành nông nghiệp đứng trước cơ hội lớn, vượt qua thách thức, tranh thủ nguồn lực từ bên ngoài về vốn, khoa học - công nghệ, mở rộng thị trường xuất khẩu, đẩy mạnh sản xuất, thực hiện thành công tái cơ cấu nông nghiệp, nâng cao giá trị gia tăng, cải thiện đời sống người dân nông thôn. ■